

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Phan Văn L** - Sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị **Đinh Thị Ánh T** - Sinh năm: 1993; địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh L, chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T có hai người con chung là: Phan Thị Anh T - Sinh ngày 29 tháng 3 năm 2011 và Đinh Thị Huỳnh T - Sinh ngày 24 tháng 12 năm 2018. Anh L, chị T thỏa thuận được với nhau là anh L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con lớn là Phan Thị Anh T, chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con nhỏ là Đinh Thị Huỳnh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh L, chị T là phù hợp với ý chí, nguyện

vọng của người con lớn (Phan Thị Anh T) và phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về hôn nhân: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Anh Phan Văn L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa anh với chị Đinh Thị Ánh T là: Phan Thị Anh T - Sinh ngày 29 tháng 3 năm 2011 (hiện đang sống chung với anh L) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Chị Đinh Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Chị Đinh Thị Ánh T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Phan Văn L là: Đinh Thị Huỳnh T - Sinh ngày 24 tháng 12 năm 2018 (hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con .

Vì lợi ích của con chung, anh L, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2/ Về lệ phí sơ thẩm: Anh Phan Văn L và chị Đinh Thị Ánh T tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh L, chị T đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005618 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh L, chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Anh Phan Văn L (01 bản);
- Chị Đinh Thị Ánh T (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên